TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2021
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan và ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 261/2021/ST-HNGĐ ngày 05/7/2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đồng Thị H**, sinh năm 1975.

Nơi ĐKHKTT: Thôn L, P. T, TP. H, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở: Thôn X, xã L, TP. H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Đạt T**, sinh năm 1968.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu L, P. T, TP. H, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Đồng Thị A, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn X, xã L, TP. H, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu L, P. T, TP. H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn thể hiện:*

Bà và ông Phạm Đạt T tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện G (nay là phường T, thành phố H) vào ngày 05/01/1990. Quá trình chung sống, vợ chồng ở tại L, phường T, thành phố H và hạnh phúc khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè, đêm muộn về nhà, kiếm cớ gây sự và đánh đập bà. Nên bà bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L nhiều lần. Nhưng sau đó, ông T lại đến đón bà về nên vợ chồng vẫn chung sống với nhau. Năm 2011, xảy ra mâu thuẫn nên bà nộp đơn ly hôn đến Toà án nhưng sau đó vì các con nên bà rút đơn, tiếp tục chung sống với ông T. Bà đã chịu đựng nhiều năm nay và tha thứ cho ông T nhiều lần nhưng đến nay ông T không thay đổi vẫn thường xuyên uống rượu và gây sự. Vì vậy, từ tháng 2/2021 bà không sống cùng ông T và quyết định ly hôn. Ông T có ý muốn đoàn tụ nhưng vợ chồng nói chuyện câu trước câu sau ông lại

xúc phạm, đe dọa đánh bà. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Phạm Đạt T, sinh ngày 14/01/1991 và Phạm Thị N, sinh ngày 19/9/1995. Các con đã thành niên, tự lập cuộc sống nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, vợ chồng bà tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết. Vợ chồng không có công nợ chung.

** Theo lời khai của bị đơn thể hiện:*

Về kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng như bà H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Ông thi thoảng uống rượu nhưng không đến mức nghiện, say suốt ngày để gây sự, chửi mắng, đánh đập vợ như bà H trình bày. Nguyên nhân vợ chồng bất hòa là do tính tình không hợp, bà H muốn chỉ đạo mọi việc trong gia đình. Khi ông góp ý, bà H không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chung sống với ông nhưng bà H luôn đe dọa ly hôn và viết sẵn đơn ly hôn. Cách đây khoảng 10 năm, bà H đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án. Tòa án đã hòa giải nên bà H rút đơn, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Khoảng 2-3 năm gần đây, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Nên từ Thanh minh năm 2021, bà H bỏ nhà về bố mẹ đẻ ở. Ông đã níu kéo, khuyên bảo nhiều nhưng đến nay bà H vẫn cương quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông.

- Về quan hệ con chung: Con chung của vợ chồng như bà H trình bày. Các con đã thành niên, tự lập cuộc sống nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng ông đã thống nhất tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết. Vợ chồng không có công nợ chung.

* Kết quả xác minh tại UBND phường T và khu dân cư nơi vợ chồng chung sống: Ông T và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND phường T vào ngày 05/01/1990. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Bà H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể không rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Bà Đồng Thị A (chị gái của bà H) trình bày: Ông T và bà H chung sống nhưng thường xảy ra cãi nhau, nguyên nhân do ông T thường uống rượu, gây sự, chửi bới, đánh đập vợ. Nên bà H thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Gia đình họp bàn khuyên giải nhiều lần nhưng không thấy tình cảm hai người cải thiện. Nay, bà H xin ly hôn với ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà H.

* Ý kiến của chị Phạm Thị N (con đẻ của bà H, ông T: Bố mẹ chị chung sống không hòa thuận, thường xảy ra chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Sự việc này diễn ra nhiều năm nay. Bố mẹ không ở cùng nhau từ tháng 2/2021. Quan điểm của chị là tôn trọng quyền quyết định ly hôn của bố mẹ.

Tại phiên tòa:

- Bà H, ông T đều vắng mặt, có đơn và có ý kiến xét xử vắng mặt.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) căn cứ các quy định của pháp luật, xử: Cho bà H được ly hôn ông T; về con chung và quan hệ tài sản, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông Phạm Đạt T, nơi cư trú: khu L, P. T, TP. H, tỉnh Hải Dương. Nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều vắng mặt và có đơn, có ý kiến xin xét xử giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đồng Thị H và ông Phạm Đạt T kết hôn vào ngày 05/01/1990 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà H và ông T hạnh phúc được 18 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo quan diểm của bà H cho rằng do ông T thường xuyên rượu chè đêm muộn, kiếm cớ gây sự và đánh đập bà; còn ông T cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp, bà H muốn chỉ đạo mọi việc trong gia đình. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận nên bà H thường xuyên bỏ nhà về bố mẹ đẻ ở. Đầu năm 2011, bà H đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó hòa giải bà rút đơn. Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2011/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2011. Khoảng hai đến ba năm gần đây, hai người lại xảy ra mâu thuẫn. Gia đình và các con tổ chức họp bàn khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Từ tháng 2/2021, bà H không sống cùng ông T. Ông T mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H cương quyết ly hôn, ông T đồng ý.

Xét thấy bà H và ông T nhiều năm nay chung sống không hòa thuận và hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài mà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Phạm Đạt T, sinh ngày

14/01/1991 và Phạm Thị N, sinh ngày 19/9/1995. Các con đã thành niên, tự lập cuộc sống. Ông, bà không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án giải thích và nhận công văn số 36/CV-TA ngày 23/8/2021 của Tòa án hướng dẫn về làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đồng Thị H được ly hôn ông Phạm Đạt T.

2. *Về án phí:* Bà Đồng Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005275 ngày 29/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã thi hành xong).

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND P. T, TP. Hải Dương;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà